

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI SÀI GÒN 5
000

I U L
T CHỨC VÀ HỌ TÊN
(Đ ỏ o)

TP. H Chí Minh, tháng 12 n m 2015

M C L C

PH N M U	5
I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L	5
i u 1. Gi i thích thu t ng	5
II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NH ÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY	5
i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty	5
III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY	6
i u 3. M c tiêu ho t ng c a Công ty	6
i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng	7
IV. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P	7
i u 5. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p	7
i u 6. Ch ng nh n c phi u	7
i u 7. Ch ng ch ch ng khoán khác	8
i u 8. Chuy n nh ng c ph n	8
i u 9. Thu h i c ph n	8
V. C C UT CH C, QU N TR VÀ KI M SOÁT	9
i u 10. C c ut ch c, qu n tr và ki m soát	9
VI. C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG	9
i u 11. Quy n c a c ông	9
i u 12. Ngh a v c a c ông	10
i u 13. I h i ng c ông	10
i u 14. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông	11
i u 15. Các i di n c y quy n	13
i u 16. Thay i các quy n	13
i u 17. Tri ut p i h i ng c ông, ch ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ông	14
i u 18. Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ông	15
i u 19. Th th c t i n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông	15
i u 20. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông	17
i u 21. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông	18
i u 22. Biên b nh p i h i ng c ông	19
i u 23. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông	19

VII. H I NG QU N TR	20
i u 24. Nhi m k và s l ng thành viên H i ng qu n tr	20
i u 25. Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr	21
i u 26. Ch t ch H i ng qu n tr	22
i u 27. Các cu c h p c a H i ng qu n tr	22
VIII. T NG GIÁM C I U HÀNH, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY	24
i u 28. T ch c b máy qu n lý.....	24
i u 29. Cán b qu n lý.....	24
i u 30. B nhi m, mi n nhi m, nhi m v và quy n h n c a T ng Giám c i u hành	24
i u 31. Th ký Công ty	26
IX. BAN KI M SOÁT	26
i u 32. Thành viên Ban ki m soát.....	26
i u 33. Ban ki m soát.....	27
X. TRÁCH NHI M C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , KI M SOÁT VIÊN, T NG GIÁM C I U HÀNH VÀ CÁN B QU N LÝ KHÁC	29
i u 34. Công khai các l i ích liên quan.....	29
i u 35. Trách nhi m c a ng i qu n lý công ty	30
i u 36. H p ng, giao d ch ph i c i h i ng c ông ho c H i ng qu n tr ch p thu n.....	30
XI. QUY N I U TR A S SÁCH VÀ H S CÔNG TY	31
i u 37. Quy n i u tra s sách và h s	31
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN	31
i u 38. Công nhân viên và công oàn.....	31
XIII. PHÂN PH I L I NHU N	31
i u 39. Phân ph i l i nhu n	31
XIV. TÀI KHO N NGÂN HÀNG, N M TÀI CHÍNH VÀ H TH NG K TOÁN	32
i u 40. Tài kho n ngân hàng.....	32
i u 41. N m tài chính.....	32
i u 42. Ch k toán.....	32
XV. BÁO CÁO TH NG NIÊN, TRÁCH NHI M CÔNG B THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	33
i u 43. Báo cáo tài chính n m, sáu tháng và quý	33
i u 44. Báo cáo th ng niên.....	33
XVI. KI M TOÁN CÔNG TY	33
i u 45. Ki m toán	33

XVII. COND U	34
i u 46. Con d u	34
XVIII. CH M D THO T NG VÀ THANH LÝ	34
i u 47. Ch m d tho t ng	34
i u 48. Thanh lý	34
XIX. GI I QUY T TRANH CH P N I B	35
i u 49. Gi i quy t tranh ch p n i b	35
XX. B SUNG VÀ S A I I U L	35
i u 50. B sung và s a i i u l	35
XXI. NGÀY HI U L C	35
i u 51. Ngày hi u l c	35

PH N M U

i u l này c thông qua theo quy t nh h p l c a i h i ng c ông thành l p t ch c chính th c vào ngày ... tháng ... n m ...

I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L

i u 1. Gi i thích thu t ng

- Trong i u l này, nh ng thu t ng đ i ây c hi u nh sau:
 - "V n i u l " là s v n do t t c các c ông óng góp và quy nh t i i u 5 i u l này;
 - "Lu t Doanh nghi p" có ngh a là Lu t Doanh nghi p s 68/2014/QH13 c Qu c h i thông qua ngày 26 tháng 11 n m 2014;
 - "Ngày thành l p" là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p (Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh) l n u;
 - "Cán b qu n lý" là T ng Giám c i u hành, Phó T ng Giám c, K toán tr ng và các v trí qu n lý khác trong Công ty c H i ng qu n tr phê chu n;
 - "Ng i có liên quan" là cá nhân ho c t ch c c quy nh t i Kho n 17 i u 4 Lu t Doanh nghi p;
 - "Th i h n ho t ng" là th i gian ho t ng c a Công ty c quy nh t i i u 2 i u l này;
 - "Vi t Nam" là n c C ng hoà Xã h i Ch ngh a Vi t Nam.
- Trong i u l này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th .
- Các tiêu (ch ng, i u c a i u l này) c s d ng nh m thu n ti n cho vi c hi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a i u l này.

II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY

i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty

- Tên Công ty
 - Tên ti ng Vi t:
CÔNG TY C PH N XÂY D NG TH NG M I SÀI GÒN 5
 - Tên ti ng Anh:
 - Tên vi t t t:
- Công ty là công ty c ph n có t cách pháp nhân phù h p v i pháp lu t hi n hành c a Vi t Nam.
- Tr s ng ký c a Công ty là:
 - á ch : S 2A Lý Th ng Ki t, ph ng 12, qu n 5, TP. H Chí Minh
 - i n tho i: (08) 3957 0711

c. Fax: (08) 3957 0712

d. Website:

e. E-mail:

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm là người đi n theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng người đi n tại bàn kinh doanh thể hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trường hợp chấm dứt hoạt động theo Khoản 2 điều 47, thì hình thức hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng, sửa chữa và kinh doanh nhà, xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, san lấp mặt bằng, thi công mương bêtông, trang trí nội thất;
 - Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
 - Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất;
 - Dịch vụ cho thuê nhà và văn phòng làm việc;
 - Buôn bán hàng tiêu dùng sản xuất, tiêu dùng;
 - Nhập khẩu kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành xây dựng;
 - Mua bán sách và văn hóa phẩm có nội dung chính pháp luật hành;
 - Kinh doanh dịch vụ câu lạc bộ các trò chơi giải trí (trò karaoke), cho thuê sân tennis, hồ bơi;
 - Mua bán đồ thể thao, hàng bách hoá tiêu dùng;
 - Dịch vụ in ấn;
 - Tư vấn thiết kế, lập dự án thiết kế, tư vấn thi công, giám sát thi công, quản lý dự án, lập dự toán các công trình dân dụng và công nghiệp;
 - Lắp quy hoạch chi tiết đô thị, thiết kế quy hoạch;
 - Kinh doanh bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, môi giới bất động sản.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là Công ty xây dựng và giải quyết những nhu cầu, nhiệm vụ và phát triển ngành các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có mặt, tồn tại phát triển một cách bền vững, lâu dài và vững chắc, tiến bộ hóa lợi nhuận, mở rộng quy mô hoạt động pháp cho các công trình, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng

1. Công ty c phép l p k ho ch và ti n hành t t c các ho t ng kinh doanh theo Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p và i u l này, phù h p v i quy nh c a pháp lu t hi n hành và th c hi n các bi n pháp thích h p t c các m c tiêu c a Công ty.
2. Công ty có th ti n hành ho t ng kinh doanh trong các l nh v c khác c pháp lu t cho phép và c i h i ng c ông thông qua.

IV. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P

i u 5. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p

1. V n i u l c a Công ty là ng (..... ng).
T ng s v n i u l c a Công ty c chia thành c ph n v i m nh giá là 10.000 ng/c ph n.
2. Công ty có th t ng v n i u l khi c i h i ng c ông thông qua và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.
3. Các c ph n c a Công ty vào ngày thông qua i u l này là c ph n ph thông. Các quy n và ngh a v c a c ph n ph thông c quy nh t i i u l l i u l này.
4. Công ty có th phát hành các lo i c ph n u ã khác sau khi có s ch p thu n c a i h i ng c ông và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.
5. Công ty không có c ông sáng l p.
6. C ph n ph thông ph i c u tiên chào bán cho các c ông hi n h u theo t l t ng ng v i t l s h u c ph n ph thông c a h trong Công ty, tr tr ng h p i h i ng c ông quy t nh khác. S c ph n c ông không ng ký mua h t s do H i ng qu n tr c a Công ty quy t nh. H i ng qu n tr có th phân ph i s c ph n ó cho các i t ng theo các i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p, nh ng không c bán s c ph n ó theo các i u ki n thu n l i h n so v i nh ng i u ki n ã chào bán cho các c ông hi n h u tr tr ng h p c ph n c bán qua S giao d ch ch ng khoán theo ph ng th c u giá.
7. Công ty có th mua c ph n do chính công ty ã phát hành theo nh ng cách th c c quy nh trong i u l này và pháp lu t hi n hành. C ph n do Công ty mua l i là c phi u qu và H i ng qu n tr có th chào bán theo nh ng cách th c phù h p v i quy nh c a i u l này, Lu t Ch ng khoán và v n b n h ng d n liên quan.
8. Công ty có th phát hành các lo i ch ng khoán khác khi c i h i ng c ông thông qua và phù h p v i quy nh c a pháp lu t.

i u 6. Ch ng nh n c phi u

1. C ông c a Công ty c c p ch ng nh n c phi u t ng ng v i s c ph n và lo i c ph n s h u.
2. Ch ng nh n c phi u ph i có d u c a Công ty và ch ký c a i di n theo pháp lu t c a Công ty theo các quy nh t i Lu t Doanh nghi p. Ch ng nh n c phi u ph i ghi rõ s l ng và lo i c phi u mà c ông n m gi , h và tên ng i n m gi và các thông tin khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp ý kiến chuyên quy định của người mua theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán dứt khoát mua chứng khoán theo quy định thì phải chấp hành phát hành chứng khoán của Công ty, ngay lập tức chứng khoán của người mua không phải trả cho Công ty chi phí in chứng khoán của người mua.
- Trường hợp chứng khoán của người mua bị hủy hoặc bị tẩy xóa hoặc bị ảnh hưởng, mất chứng khoán tiêu hủy, ngay lập tức người mua có thể yêu cầu chứng khoán của người mua mới và thanh toán chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các chứng chỉ chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu đính kèm) được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng chứng khoán

- Tất cả các chứng khoán do chuyển nhượng trừ khi điều kiện này và pháp luật có quy định khác. Chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thủ tục chứng khoán.
- Chứng khoán chưa thanh toán dứt khoát không được chuyển nhượng và hàng các quy định liên quan như quy định của người mua chứng khoán phát hành chứng khoán và thanh toán người mua chứng khoán, quy định mua chứng khoán mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi chứng khoán

- Trường hợp công ty không thanh toán dứt khoát và ứng dụng chứng khoán mua chứng khoán, Hội đồng quản trị thông báo và có quy định yêu cầu công ty thanh toán chứng khoán còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán dứt khoát gây ra cho Công ty.
- Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo yêu cầu, chứng khoán chưa thanh toán hết số thu hồi.
- Hội đồng quản trị có quy định thu hồi các chứng khoán chưa thanh toán dứt khoát và ứng dụng trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
- Chứng khoán thu hồi được coi là các chứng khoán quy định chào bán. Hội đồng quản trị có thể tái phân phối hoặc quy định bán, tái phân phối hoặc quy định cho người mua chứng khoán thu hồi hoặc các điều kiện khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
- Công ty mới chứng khoán thu hồi phải bắt buộc công ty phải ứng dụng chứng khoán đó, những người mua phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan chứng khoán lãi theo tỷ lệ (không quá 10% mệnh giá) vào thời điểm thu hồi theo quy định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quy định về việc chứng khoán thanh toán toàn bộ giá trị chứng khoán vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi công nợ ngân hàng để phân bổ thu hồi trên chi phí thu hồi. Việc thu hồi vốn có hiệu lực kể từ ngày hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc ghi thông báo.

V. C C U T C H C, Q U N T R VÀ K I M S O Á T

i u 10. C c u t c h c, q u n t r và k i m s o á t

C c u t c h c q u n lý, q u n t r và k i m s o á t c a Công ty bao g m:

1. i h i n g c ô n g;
2. H i n g q u n t r ;
3. B a n k i m s o á t;
4. T n g G i á m c i u h à n h.

VI. C Ô N G VÀ I H I N G C Ô N G

i u 11. Q u y n c a c ô n g

1. Công là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và nội quy công ty mà họ sở hữu. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người ngân hàng phân phối có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp i h i n g c ô n g và th c h i n q u y n b i u q u y t t r c t i p t i i h i n g c ô n g h o c t h o n g q u a i d i n c y q u y n h o c t h c h i n b p h i u t x a;
 - b. Nh n c t c v i m c t h e o q u y t n h c a i h i n g c ô n g;
 - c. T d o c h u y n n h n g c p h n ã c t h a n h t o á n y t h e o q u y n h c a i u l n à y và p h á p l u t h i n h à n h;
 - d. c u t i e n m u a c p h i u m i c h à o b á n t n g n g v i t l c p h n p h t h o n g m à h s h u ;
 - . X e m x é t , t r a c u và t r í c h l c c á c t h o n g t i n l i e n q u a n n c ô n g t r o n g D a n h s á c h c ô n g t c á c h t a m g i a i h i n g c ô n g và y e u c u s a i c á c t h o n g t i n k h o n g c h í n h x á c ;
 - e. X e m x é t , t r a c u , t r í c h l c h o c s a o c h p i u l c o n g t y , s b i e n b n h p i h i n g c ô n g và c á c n g h q u y t c a i h i n g c ô n g ;
 - g. T r n g h p C o n g t y g i i t h o c p h á s n , c n h n m t p h n t à i s n c ò n l i t n g n g v i s c p h n g ó p v n v à o c o n g t y s a u k h i C o n g t y ã t h a n h t o á n c h o c h n và c á c c ô n g n m g i l o i c p h n k h á c c a C o n g t y t h e o q u y n h c a p h á p l u t ;
 - h. Y e u c u C o n g t y m u a l i c p h n c a h t r o n g c á c t r n g h p q u y n h c a L u t D o a n h n g h i p ;
 - i. C á c q u y n k h á c t h e o q u y n h c a i u l n à y và p h á p l u t .
3. Công hoặc nhóm công nợ ngân hàng từ 5% tổng số phân phối thông trong thời hạn liên tục sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

- a. Các các nguyên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Hội đồng theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các công đồng có quyền tham dự và biểu quyết Hội đồng;
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra tình hình liên quan quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, chức vụ, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (nếu công đồng là cá nhân); tên, địa chỉ, chức vụ, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh (nếu công đồng là tổ chức); số lượng phần và thời hạn ký các phần của công đồng, tổng số phần của các nhóm công đồng và tổng số phiếu trong tổng số phần của Công ty; và các nội dung kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- . Các quy định khác của pháp luật này.

Điều 12. Nghĩa vụ của công đồng

Công đồng có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định của Công ty; chấp hành quy định của Hội đồng, Hội đồng quản trị.
2. Tham gia các cuộc họp Hội đồng và thực hiện quy định của quy định trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quy định hoặc thực hiện biểu quyết. Công đồng có thẩm quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Hội đồng.
3. Thanh toán tiền mua chứng khoán đã ký mua theo quy định.
4. Cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác khi ký mua chứng khoán.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty đi làm hình thức thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác trái lợi ích của công đồng, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ của nhân viên trước quy định tài chính có thể xảy ra tại Công ty.

Điều 13. Hội đồng công đồng

1. Hội đồng công đồng là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Hội đồng công đồng thành lập theo quy định của pháp luật (01) lần. Hội đồng công đồng phải họp thành niên trong thời hạn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Hội đồng công đồng thành niên và lựa chọn đại diện phù hợp. Hội đồng công đồng thành niên quy định nội dung theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, công bố thông tin qua các báo cáo tài chính

n m và d toán cho n m tài chính tị p theo. Các ki m toán viên c l p có th c m i tham d i h i t v n cho vi c thông qua các báo cáo tài chính n m.

3. H i ng qu n tr ph i tri ut p i h i ng c ông b t th ng trong các tr ng h p sau:
 - a. H i ng qu n tr xét th y c n thi t vì l i ích c a Công ty;
 - b. B ng cân i k toán n m, các báo cáo sáu (06) tháng ho c quý ho c báo cáo ki m toán c a n m tài chính ph n ánh v n ch s h u ã b m t m t ph n t (1/4) so v i s u k ;
 - c. Khi s thành viên c a H i ng qu n tr ít h n s thành viên mà lu t pháp quy nh ho c ít h n m t n a s thành viên quy nh trong i u l ;
 - d. C ông ho c nhóm c ông quy nh t i Kho n 3 i u 11 i u l này yêu c u tri ut p i h i ng c ông b ng v n b n. Yêu c u tri ut p i h i ng c ông ph i nêu rõ lý do và m c ích cu c h p, có ch ký c a các c ông liên quan ho c v n b n yêu c u c l p thành nhi u b n, trong ó m i b n ph i có ch ký c a t i thi u m t c ông có liên quan;
 - e. Ban ki m soát yêu c u tri ut p cu c h p n u Ban ki m soát có lý do tin t ng r ng các thành viên H i ng qu n tr ho c cán b qu n lý c p cao vi ph m nghiêm tr ng các ngh a v c a h theo i u 119 Lu t Doanh nghi p ho c H i ng qu n tr hành ng ho c có ý nh hành ng ngoài ph m vi quy n h n c a mình;
 - f. Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty.

4. Tri ut p h p i h i ng c ông b t th ng

- a. H i ng qu n tr ph i tri ut p h p i h i ng c ông trong th i h n ba m i (30) ngày k t ngày s thành viên H i ng qu n tr còn l i nh quy nh t i i m c Kho n 3 i u 13 ho c nh n c yêu c u quy nh t i i m d và i m e Kho n 3 i u 13;
- b. Tr ng h p H i ng qu n tr không tri ut p h p i h i ng c ông theo quy nh t i i m a Kho n 4 i u 13 thì trong th i h n ba m i (30) ngày tị p theo, Ban ki m soát ph i thay th H i ng qu n tr tri ut p h p i h i ng c ông theo quy nh Kho n 5 i u 97 Lu t Doanh nghi p;
- c. Tr ng h p Ban ki m soát không tri ut p h p i h i ng c ông theo quy nh t i i m b Kho n 4 i u 13 thì trong th i h n ba m i (30) ngày tị p theo, c ông, nhóm c ông có yêu c u quy nh t i i m d Kho n 3 i u này có quy n thay th H i ng qu n tr, Ban ki m soát tri ut p h p i h i ng c ông theo quy nh Kho n 6 i u 97 Lu t Doanh nghi p.

Trong tr ng h p này, c ông ho c nhóm c ông tri ut p h p i h i ng c ông có quy n ngh c quan ng ký kinh doanh giám sát trình t , th t c tri ut p, tìn hành h p và ra quy t nh c a i h i ng c ông. T t c chi phí cho vi c tri ut p và tìn hành h p i h i ng c ông c công ty hoàn l i. Chi phí này không bao g m nh ng chi phí do c ông chi tiêu khi tham d i h i ng c ông, k c chi phí n và i l i.

i u 14. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông

1. i h i ng c ông th ng niên có quy n th o lu n và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính năm kế toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Hội đồng công đồng thành niên và bất thành thông qua quy định như các văn bản sau:
- a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - b. Mục đích thanh toán hàng năm cho mọi lợi ích liên quan phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan lợi ích liên quan đó. Mục đích này không cao hơn mục đích của Hội đồng quản trị ngay sau khi đã tham khảo ý kiến các công đồng thành niên liên quan;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - d. Lựa chọn công ty kế toán;
 - Bổ nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và báo cáo về Hội đồng quản trị trước Hội đồng Giám đốc nội bộ;
 - e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Lợi ích liên quan và số lượng liên quan miễn trừ phát hành nội bộ lợi ích liên quan;
 - i. Chia, tách, sáp nhập, sáp nhập hoặc chuyển nhượng Công ty;
 - k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chuyển nhượng thành lý;
 - l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các công đồng của Công ty;
 - m. Quy định nội dung hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kế toán gần nhất của Công ty;
 - n. Công ty mua lại hơn 10% mệnh lợi liên quan phát hành;
 - o. Việc Tổng Giám đốc nội bộ làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - p. Quy định các hợp đồng và giao dịch liên quan nội bộ quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp về giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kế toán gần nhất của Công ty;
 - q. Các văn bản khác theo quy định của Điều lệ này và các quy định khác của Công ty.
3. Công đồng không được tham gia bất kỳ trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 14 khi công đồng đó hoặc người có liên quan tới công đồng đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lợi ích liên quan của công đồng đó hoặc của người có liên quan tới công đồng đó trừ trường hợp việc mua lợi ích liên quan được thực hiện theo thỏa thuận của các

công hoc vic mua li c th c hi n thông qua kh p l nh hoc chào mua công khai trên S giao d ch ch ng khoán.

4. T t c các ngh quy t và các v n ã c a vào ch ng trình h p phi c a ra th o lu n và bi u quy t t i i h i ng c ông.

i u 15. Các i di n c y quy n

1. Các c ông có quy n tham d i h i ng c ông theo lu t pháp có th y quy n cho i di n c a mình tham d . Tr ng h p có nhi u h n m t ng i i di n c c thì phi xác nh c th s c ph n và s phi u b u c y quy n cho m i ng i i di n.
2. Vi c y quy n cho ng i i di n d h p i h i ng c ông phi l p thành v n b n theo m u c a Công ty và phi có ch ký theo quy nh sau ây:
 - a. Tr ng h p c ông cá nhân là ng i y quy n thì gi y y quy n phi có ch ký c a c ông ó và ng i c y quy n d h p;
 - b. Tr ng h p ng i i di n theo y quy n c a c ông là t ch c là ng i y quy n thì gi y y quy n phi có ch ký c a ng i i di n theo y quy n, ng i i di n theo pháp lu t c a c ông và ng i c y quy n d h p;
 - c. Trong tr ng h p khác thì gi y y quy n phi có ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t c a c ông và ng i c y quy n d h p.Ng i c y quy n d h p i h i ng c ông phi n p v n b n y quy n tr c khi vào phòng h p.
3. Tr ng h p lu t s thay m t cho ng i y quy n ký gi y ch nh i di n, vi c ch nh i di n trong tr ng h p này ch c coi là có hi u l c n u gi y ch nh i di n ó c xu t trình cùng v i gi y y quy n cho lu t s hoc b n sao h p l c a gi y y quy n ó (n u tr c ó ch a ng ký v i Công ty).
4. Tr tr ng h p quy nh t i Kho n 3 i u 15, phi u bi u quy t c a ng i c y quy n d h p trong ph m vi c y quy n v n có hi u l c khi có m t trong các tr ng h p sau ây:
 - a. Ng i y quy n ã ch t, b h n ch n ng l c hành vi dân s hoc b m t n ng l c hành vi dân s ;
 - b. Ng i y quy n ã h y b vi c ch nh y quy n;
 - c. Ng i y quy n ã h y b th m quy n c a ng i th c hi n vi c y quy n.i u kho n này không áp d ng trong tr ng h p Công ty nh n c thông báo v m t trong các s ki n trên tr c gi khai m c cu c h p i h i ng c ông hoc tr c khi cu c h p c tri u t p l i.

i u 16. Thay i các quy n

1. Vi c thay i hoc h y b các quy n c bi t g n li n v i m t lo ic ph n u ãi có hi u l c khi c c ông n m gi ít nh t 65% c ph n phi thông tham d h p thông qua ng th i c c ông n m gi ít nh t 75% quy n bi u quy t c a lo ic ph n u ãi nói trên bi u quy t thông qua. Vi c t ch c cu c h p c a các c ông n m gi m t lo ic ph n u ãi thông qua vi c thay i quy n nêu trên ch có giá tr khi có t i thi u hai (02) c ông (hoc i di n c y quy n c a h) và n m gi t i thi u m t

phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các chứng khoán đã phát hành. Trường hợp không có sự biểu quyết nêu trên thì cuộc họp cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ phần trăm cổ phiếu (không phải cổ phiếu ưu đãi) và các phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền được coi là số lượng biểu quyết yêu cầu. Tất cả cuộc họp của công ty nắm giữ phần trăm nêu trên, những người nắm giữ phần trăm cổ phiếu đó có mặt trực tiếp hoặc qua đại diện có thể yêu cầu biểu quyết kín. Mọi phần cùng loại có quy định biểu quyết ngang bằng nhau thì các cuộc họp nêu trên.

2. Thực hiện hành các cuộc họp riêng biệt như vậy về thể hiện nội dung về các quy định từ 18 và 20 của luật này.
3. Trường hợp nếu không phát hành chứng quyền khác, các quy định bắt buộc liên quan về các loại chứng quyền có quy định về việc miễn trừ hoặc các vấn đề liên quan đến việc phân phối như nhu cầu tài sản của Công ty không thay đổi khi Công ty phát hành thêm các chứng khoán cùng loại.

Điều 17. Trình tự biểu quyết công, chương trình họp và thông báo họp biểu quyết công

1. Hội đồng quản trị trình tự biểu quyết công hoặc hội đồng quản trị theo các trường hợp quy định trong mục Khoản 4 của Điều 13 của luật này.
2. Người biểu quyết công phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các chứng khoán của người nắm giữ và biểu quyết từ việc biểu quyết **chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành biểu quyết công**; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - b. Xác nhận thời gian và địa điểm thực hiện;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp biểu quyết công cho tất cả các chứng khoán có quyền biểu quyết.
3. Thông báo họp biểu quyết công gửi cho tất cả các chứng khoán ng thi công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán (khi Công ty niêm yết), trên trang thông tin internet (website) của Công ty. Thông báo họp biểu quyết công **phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày** trước ngày họp biểu quyết công, (tính từ ngày mà thông báo gửi hoặc chuyển đi bằng phương tiện truyền thông, trừ các phí hoặc chi phí vào hôm đó). Chương trình họp biểu quyết công, các tài liệu liên quan các vấn đề biểu quyết từ việc gửi cho các chứng khoán và đăng trên trang thông tin internet của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không gửi kèm thông báo họp biểu quyết công, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin internet các chứng khoán có thể tiếp cận.
4. Công hoặc nhóm chứng khoán có quyền biểu quyết theo Khoản 3 của Điều 11 của luật này có quyền xuất các vấn đề vào chương trình họp biểu quyết công. Xuất phát từ việc làm bằng văn bản và phải gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc biểu quyết công. Xuất phát từ việc bao gồm và tên chứng khoán, số lượng và loại chứng khoán nắm giữ, và nội dung nghị quyết vào chương trình họp.

5. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có quy n t ch i nh ng xu t liên quan n Kho n 4 i u 17 trong các tr ng h p sau:
 - a. xu t c g i n không úng th i h n ho c không , không úng n i dung;
 - b. Vào th i i m xu t, c ông ho c nhóm c ông không có ít nh t 5% c ph n ph thông trong th i gian liên t c ít nh t sáu (06) tháng theo quy nh t i Kho n 3 i u 11 i u l này;
 - c. V n xu t không thu c ph m vi th m quy n c a i h i ng c ông bàn b c và thông qua;
 - d. Các tr ng h p khác.
6. H i ng qu n tr ph i chu n b d th o ngh quy t cho t ng v n trong ch ng trình h p.

i u 18. Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ông

1. Cu c h p i h i ng c ông c t i n hành khi có s c ông đ h p i di n cho ít nh t 51% c ph n có quy n bi u quy t.
2. Tr ng h p không có s l ng i bi u c n thi t trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m n nh khai m c i h i, ng i tri u t p h p h y cu c h p. i h i ng c ông ph i c tri u t p l i trong vòng ba m i (30) ngày k t ngày đ nh t ch c i h i ng c ông l n th nh t. i h i ng c ông tri u t p l i ch c t i n hành khi có thành viên tham d là các c ông và nh ng i di n c y quy n đ h p i di n cho ít nh t 33% c ph n có quy n bi u quy t.
3. Tr ng h p i h i l n th hai không c t i n hành do không có s i bi u c n thi t trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m n nh khai m c i h i, i h i ng c ông l n th ba có th c tri u t p trong vòng hai m i (20) ngày k t ngày đ nh t i n hành i h i l n hai và trong tr ng h p này i h i c t i n hành không ph thu c vào s l ng c ông hay i di n y quy n tham d và c coi là h p l và có quy n quy t nh t t c các v n đ ki n c phê chu n t i i h i ng c ông l n th nh t.

i u 19. Th th c t i n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông

1. Vào ngày t ch c i h i ng c ông, Công ty ph i th c hi n th t c ng ký c ông và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ông có quy n đ h p có m t ng ký h t.
2. Khi t i n hành ng ký c ông, Công ty c p cho t ng c ông ho c i di n c y quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t, trên ó ghi s ng ký, h và tên c a c ông, h và tên i di n c y quy n và s phi u bi u quy t c a c ông ó. T ng s phi u tán thành, ph n i, b phi u tr ng ho c không h p l t ng v n c Ch to thông báo sau khi t i n hành bi u quy t. i h i b u nh ng ng i ch u trách nhi m ki m phi u ho c giám sát ki m phi u theo ngh c a Ch to . S thành viên c a ban ki m phi u do i h i ng c ông quy t nh c n c ngh c a Ch to nh ng không v t quá s ng i theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.
3. C ông n đ i h i ng c ông mu n có quy n ng ký ngay và sau ó có quy n tham gia và bi u quy t t i i h i. Ch to không có trách nhi m đ ng i h i cho c ông n mu n ng ký và hi u l c c a các t bi u quy t ã t i n hành tr c khi c ông n mu n tham d không b nh h ng.

4. Chức H i ng qu n tr làm ch to các cu c h p do H i ng qu n tr tri u t p. Tr ng h p Ch t ch v ng m t ho c t m th i m t kh n ng làm vi c thì các thành viên còn l i b u m t ng i trong s h làm ch to cu c h p. Tr ng h p không b u c ng i làm ch t a thì Tr ng Ban ki m soát i u khi n i h i ng c ông b u ch t a cu c h p và ng i có s phi u b u cao nh t làm ch t a cu c h p.

Trong các tr ng h p khác, ng i ký tên tri u t p h p i h i ng c ông i u khi n i h i ng c ông b u ch to cu c h p và ng i có phi u b u cao nh t c c làm ch to c u c h p.

5. Ch to là ng i có quy n quy t nh v trình t , th t c và các s ki n phát sinh ngoài ch ng trình c a i h i ng c ông.
6. Ch to i h i có th hoãn i h i khi có s nh t trí ho c yêu c u c a i h i ng c ông ã có s l ng i bi u đ h p c n thi t.
7. Ch to c a i h i ho c Th ký i h i có th t i n hành các ho t ng c n thi t i u khi n i h i ng c ông m t cách h p l và có tr t t ho c i h i ph n ánh c mong mu n c a a s i bi u tham d .
8. H i ng qu n tr có th yêu c u các c ông ho c i di n c y quy n tham d i h i ng c ông ch u s ki m tra ho c các bi n pháp an ninh mà H i ng qu n tr cho là thích h p. Tr ng h p có c ông ho c i di n c y quy n không ch u tuân th nh ng quy nh v ki m tra ho c các bi n pháp an ninh nêu trên, H i ng qu n tr sau khi xem xét m t cách c n tr ng có th t ch i ho c tr c xu t c ông ho c i di n nêu trên tham gia i h i.
9. H i ng qu n tr , sau khi ã xem xét m t cách c n tr ng, có th t i n hành các bi n pháp c H i ng qu n tr cho là thích h p :
- B trí ch ng i t i a i m h p i h i ng c ông;
 - B o m an toàn cho m i ng i có m t t i các a i m h p;
 - T o i u ki n cho c ông tham d (ho c t i p t c tham d) i h i.
- H i ng qu n tr có toàn quy n thay i nh ng bi n pháp nêu trên và áp d ng t t c các bi n pháp n u H i ng qu n tr th y c n thi t. Các bi n pháp áp d ng có th là c p gi y vào c a ho c s đ ng nh ng hình th c l a ch n khác.
10. Trong tr ng h p t i i h i ng c ông có áp d ng các bi n pháp nêu trên, H i ng qu n tr khi xác nh a i m i h i có th :
- Thông báo i h i c t i n hành t i a i m ghi trong thông báo và ch to i h i có m t t i ó (“ a i m chính c a i h i”);
 - B trí, t ch c nh ng c ông ho c i di n c y quy n không đ h p c theo i u kho n này ho c nh ng ng i mu n tham gia a i m khác v i a i m chính c a i h i có th ng th i tham d i h i;
- Thông báo v vi c t ch c i h i không c n nêu chi t i t nh ng bi n pháp t ch c theo i u kho n này.
11. Trong i u l này (tr khi hoàn c nh yêu c u khác), m i c ông c coi là tham gia i h i a i m chính c a i h i.

Hàng năm Công ty tổ chức hội nghị công nhân ít nhất một (01) lần. Hội nghị công nhân thường niên không cần chi dự kiến ngân sách.

Điều 20. Thông qua quyết định hội nghị công nhân

1. Nghị quyết nội dung sau đây công nhân ủy ban công nhân đi **ít nhất 65% tổng số phiếu bầu quyết định công nhân** tán thành:
 - a. Loại bỏ và tái cấu trúc phân ngành;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cấu trúc quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị **bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính** cần kiểm toán ngay công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - f. Các vấn đề khác do ủy ban công nhân quy định.
2. Các nghị quyết khác công nhân ủy ban công nhân đi **cho ít nhất 51% tổng số phiếu bầu quyết định công nhân** tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều này.
3. Việc bầu quyết định thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu cử trực tiếp, theo số phiếu công nhân có tổng số phiếu bầu quyết định người đại diện công nhân và Ban kiểm soát và công nhân có quyền đề nghị tổ chức bầu cử công nhân cho mình cho một hoặc một số công nhân. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần xác nhận theo số phiếu bầu tính toán đúng theo pháp luật, bắt đầu công nhân có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 công nhân trở lên cùng số phiếu bầu nhau cho thành viên của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các công nhân có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định của ủy ban công nhân.
4. Trường hợp thông qua nghị quyết dự định hình thức giải quyết ngân sách thì nghị quyết của hội nghị công nhân công nhân đi **ít nhất 51% tổng số phiếu bầu quyết định**.
5. Nghị quyết của hội nghị công nhân phải thông báo ngay công nhân có quyền đề nghị hội nghị công nhân trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết công nhân qua; trường hợp Công ty có trang thông tin internet, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc gửi lên trang thông tin internet của Công ty.
6. Các nghị quyết của hội nghị công nhân có hiệu lực kể từ ngày công nhân qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi trong nghị quyết.
7. Các nghị quyết của hội nghị công nhân công nhân qua bằng 100% tổng số phiếu bầu có quyền bầu quyết định là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không cần chú ý như quy định.
8. Trường hợp có công nhân, nhóm công nhân yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài giải quyết nghị quyết của hội nghị công nhân theo quy định tại Điều 147 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết

nh khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật có thẩm quyền.

Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến công bố văn bản thông qua quy định của Hội đồng

Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến công bố văn bản thông qua quy định của Hội đồng được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến công bố văn bản thông qua quy định của Hội đồng bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo quy định của Hội đồng kèm theo dự thảo quy định và tài liệu ghi trình dự thảo quy định. Dự thảo quy định kèm theo dự thảo quy định và tài liệu ghi trình phải có nội dung như sau:
a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
b. Mục đích lấy ý kiến;
c. Họ, tên, địa chỉ, chức vụ, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của công đồng là cá nhân; tên, địa chỉ, chức vụ, chức danh, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của công đồng hoặc địa chỉ theo quy định của công đồng là tổ chức; số đăng ký kinh doanh và số phiếu bầu quy tắc công đồng;
d. Văn bản lấy ý kiến thông qua quy định;
e. Phương án bầu quy định bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến vì lợi ích của Hội đồng;
g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đi kèm theo pháp luật của Công ty.
 3. Dự thảo quy định phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ, chức vụ, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của công đồng là cá nhân; tên, địa chỉ, chức vụ, chức danh, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của công đồng hoặc địa chỉ theo quy định của công đồng là tổ chức; số đăng ký kinh doanh và số phiếu bầu quy tắc công đồng;
 - d. Văn bản lấy ý kiến thông qua quy định;
e. Phương án bầu quy định bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến vì lợi ích của Hội đồng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đi kèm theo pháp luật của Công ty.
 4. Công đồng có thể gửi dự thảo quy định để kiểm tra nội dung theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư. Dự thảo quy định để kiểm tra phải có chữ ký của công đồng là cá nhân, của người đi kèm theo quy định hoặc người đi kèm theo pháp luật của công đồng là tổ chức. Dự thảo quy định gửi công ty phải được niêm phong bì dán kín và không ai được quy định mở khi kiểm tra;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Dự thảo quy định gửi công ty qua fax hoặc thư điện tử phải có chữ ký bí mật nội dung kiểm tra phiếu.
- Các dự thảo quy định gửi công ty sau khi đã xác nhận nội dung dự thảo quy định hoặc đã niêm phong bì và gửi đi trong thư điện tử, thư fax, thư điện tử là không hợp lệ. Dự thảo quy định không có chữ ký của công đồng coi là phiếu không tham gia bầu quy định.

5. Hội đồng quản trị kiểm soát và lập biên bản kiểm soát dịch vụ kinh doanh của Ban kiểm soát hoặc các công không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm soát phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lý giải thông qua quy trình;
 - c. Số công việc kiểm soát nội bộ quy trình tham gia kiểm soát, trong đó phân biệt số kiểm soát nội bộ quy trình và số kiểm soát nội bộ quy trình không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách công việc tham gia kiểm soát;
 - d. Kiểm soát nội bộ tán thành, không tán thành và không có ý kiến về kiểm soát nội bộ;
 - e. Các quy trình nội bộ thông qua;
 - g. Hội đồng, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đi kiểm tra theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm soát nội bộ và người kiểm soát nội bộ.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm soát nội bộ và người giám sát kiểm soát nội bộ phải liên hệ chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm soát nội bộ; liên hệ chịu trách nhiệm về các thủ tục phát sinh từ các quy trình nội bộ thông qua do kiểm soát nội bộ không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm soát nội bộ phải công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi (20) ngày và gửi các công đồng trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm soát nội bộ. Trang hợp Công ty có trang thông tin internet, vì công bố biên bản kiểm soát nội bộ có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin internet của Công ty.
7. Phụ lục lý giải nội dung tài liệu, biên bản kiểm soát nội bộ, toàn văn nghị quyết nội bộ thông qua và tài liệu có liên quan kèm theo phụ lục lý giải nội dung tài liệu chính của Công ty.
8. Nghị quyết nội bộ thông qua theo hình thức lý giải nội bộ công đồng bằng văn bản có giá trị như nghị quyết nội bộ thông qua trực tiếp hội đồng công đồng.

Điều 22. Biên bản họp hội đồng công đồng

Biên bản họp hội đồng công đồng phải làm xong và thông qua trước khi bắt đầu cuộc họp. Người chủ trì hội đồng công đồng chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp hội đồng công đồng. Biên bản họp hội đồng công đồng phải công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi (20) ngày và gửi cho tất cả các công đồng trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hội đồng công đồng kết thúc. Biên bản họp hội đồng công đồng coi là bằng chứng xác thực về nội dung công việc đã tiến hành tại hội đồng công đồng trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản của đại biểu theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tịch hội đồng và Thư ký và lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sơ đồ ký của các công đồng đề nghị và văn bản quy định tham dự phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quy trình của hội đồng công đồng

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp hội đồng công đồng hoặc biên bản kết quả kiểm soát nội bộ lý giải nội dung công đồng, công đồng, nhóm công đồng quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc

Trên tài xem xét, họ bị nghi ngờ quy tắc hợp pháp nội dung nghi ngờ quy tắc a i h i
ng c ông trong các tr ãng h p sau ãy:

1. Trình t và th t c tri ut p h p và ra quy t nh c a i h i ng c ông không th c
h i n úng theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l công ty, tr ãng h p
quy nh t i kho n 2 i u 148 c a Lu t Doanh nghi p và kho n 8 i u 20 i u l
này;
2. N i dung nghi quy t vi ph m pháp lu t ho c i u l Công ty.

VII. H I NG QU N TR

i u 24. Nhi m k và s l ãng thành viên H i ãng qu n tr

1. S l ãng thành viên H i ãng qu n tr là n m (05) ãng i. Nhi m k c a thành viên
H i ãng qu n tr không quá n m (05) n m; thành viên H i ãng qu n tr có th c
b u l i v i s nhi m k không h n ch . T ãng s thành viên H i ãng qu n tr không
i u hành ph i chỉ m ít nh t m t p h n ba (1/3) t ãng s thành viên H i ãng qu n tr .
S l ãng t i thi u thành viên H i ãng qu n tr không i u hành c xác nh theo
ph ãng th c làm tròn xu ãng.
2. Các c ông n m gi c p h n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu
(06) tháng có quy n g p s quy n bi u quy t c at ãng ãng i l i v i nhau c các
ãng viên H i ãng qu n tr . C ông ho c nhóm c ông n m gi t 5% ãng d i
10% t ãng s c p h n có quy n bi u quy t c c m t (01) ãng viên; t 10% ãng
d i 30% c c t i a hai (02) ãng viên; t 30% ãng d i 40% c c t i a
ba (03) ãng viên; t 40% ãng d i 50% c c t i a b n (04) ãng viên; t 50%
ãng d i 60% c c t i a n m (05) ãng viên; t 60% ãng d i 70% c c
t i a sáu (06) ãng viên; t 70% ãng d i 80% c c t i a b y (07) ãng viên;
và t 80% tr lên c c t i a tám (08) ãng viên.
3. Tr ãng h p s l ãng các ãng viên H i ãng qu n tr thông qua c và ãng c v n
không s l ãng c n thi t, H i ãng qu n tr ãng nhi m có th c thêm ãng c
viên ho c t ch c c theo c ch c Công ty quy nh t i Quy ch n i b v qu n
tr công ty. C ch c hay cách th c H i ãng qu n tr ãng nhi m c ãng c
viên H i ãng qu n tr ph i c công b rõ ràng và ph i c i h i ãng c ông
thông qua tr c khi t i n hành c .
4. Thành viên H i ãng qu n tr ph i có các tiêu chu n và i u ki n sau ãy:
 - a. Có n ãng l c hành vi dân s y , không thu c i t ãng không c qu n lý
doanh nghi p theo quy nh t i kho n 2 i u 18 c a Lu t Doanh nghi p;
 - b. Có trình chuyên môn, kinh nghi m trong qu n lý kinh doanh c a Công ty và
không nh t thi t ph i là c ông c a Công ty.
 - c. Thành viên H i ãng qu n tr Công ty có th ãng th i là thành viên H i ãng
qu n tr c a công ty khác.
 - d. i v i công ty con mà Nhà n c n m gi tr ên 50% v n i u l thì thành viên H i
ãng qu n tr không c là v ho c ch ãng, cha , cha nuôi, m , m nuôi, con
, con nuôi, anh ru t, ch ru t, em ru t, anh r , em r , ch dâu, em dâu c a Giám
c, T ãng Giám c và ãng i qu n lý khác c a Công ty; không c là ãng i có
liên quan c a ãng i qu n lý, ãng i có th m quy n b nhi m ãng i qu n lý công ty
m .

5. Thành viên Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 4 điều này;
 - b. Thành viên đó gia nhập ngành xin chuyển sang chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chuyển sang ngành này bất cứ nơi nào;
 - d. Thành viên đó bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty.
7. Hội đồng quản trị ưu tiên đề nghị Hội đồng bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp:

Số thành viên Hội đồng quản trị bổ nhiệm quá mức quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị ưu tiên đề nghị Hội đồng trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bổ nhiệm quá mức quy định;
8. Trường hợp khác, điều kiện chấp thuận, điều kiện bổ nhiệm thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm.
9. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về kế toán và thủ tục kế toán.

Điều 25. Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện các quy định và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Hội đồng.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Kiểm soát hiệu quả và tính xác thực quy định chào bán chứng khoán;
 - c. Quyết định bán chứng khoán mới trong phạm vi số chứng khoán chào bán chứng khoán; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán chứng khoán và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua chứng khoán theo quy định tại khoản 1 điều 130 của Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phê duyệt và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định ghi lập phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều lệ khoản 2 điều 14 điều 1, khoản 1 và khoản 3 điều 162 của Luật Doanh nghiệp;

- i. Bổ nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc và **người quản lý quan trọng khác do Chủ tịch Công ty quy định**; quy định tiền lương và quy định khác của nhân viên quản lý đó; công bố địa điểm theo quy định tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng công ty khác, quy định mức thù lao và quy định khác của nhân viên đó;
- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong nội bộ hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- k. Quy định cấu trúc, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quy định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng địa điểm và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l. Duy trì quy trình, nội dung tài liệu phục vụ hợp pháp, chính công, tri tuệ và hợp pháp chính công hoặc lý do khác của Hội đồng thông qua quy định;
- m. Trình báo cáo quy định tài chính hàng năm lên Hội đồng;
- n. Kiểm soát chi tiêu; quy định thanh toán và thanh toán chi tiêu cho các lý do phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiểm soát chi tiêu, giải ngân, yêu cầu pháp nhân Công ty;
- p. Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Chủ tịch Công ty.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. **Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Tổng giám đốc Công ty trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê duyệt hàng năm tại Hội đồng thường niên.**
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập quy trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chủ trì quy trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; tri tuệ và chủ trì cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ trì cuộc họp Hội đồng, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - f. Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Chủ tịch Công ty.
3. Trưởng bộ phận Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện công việc của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trưởng bộ phận không có nghĩa vụ ủy quyền thì các thành viên còn lại bổ nhiệm trong số các thành viên tạm thời của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc a.s.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bãi miễn theo quy định của Hội đồng quản trị.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị được Chủ tịch và các quy định khác thực hiện quy định nội bộ của Công ty (07) ngày làm

vì c, k t ngày k t thúc b u c H i ng qu n tr nhi m k ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t tri u t p. Tr ng h p có nhi u h n m t (01) thành viên có s phi u b u cao nh t ngang nhau thì các thành viên này b u m t ng i trong s h tri u t p h p H i ng qu n tr theo nguyên t c a s .

2. Ch t ch có th tri u t p h p b t k khi nào th y c n thi t, nh ng ít nh t là m i quý ph i h p m t (01) l n.
3. Ch t ch H i ng qu n tr tri u t p các cu c h p b t th ng khi th y c n thi t vì l i ích c a Công ty. Ngoài ra, Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr , không c trì hoãn n u không có lý do chính áng, khi m t trong s các i t ng d i ây ngh b ng v n b n trình bày m c ích cu c h p và các v n c n bàn:
 - a. T ng Giám c i u hành ho c ít nh t n m (05) cán b qu n lý khác;
 - b. Ít nh t hai (02) thành viên H i ng qu n tr ;
 - c. Ban ki m soát.
4. Các cu c h p H i ng qu n tr nêu t i Kho n 3 i u 27 ph i c ti n hành trong th i h n b y (07) ngày làm vì c, k t ngày nh n c ngh quy nh t i kho n 3 i u này. Tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr không ch p nh n tri u t p h p theo ngh thì Ch t ch ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i x y ra i v i Công ty; nh ng ng i ngh t ch c cu c h p c c p n Kho n 3 i u 27 có th t mình tri u t p h p H i ng qu n tr .
5. Tr ng h p có yêu c u c a ki m toán viên c l p, Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr bàn v báo cáo ki m toán và tình hình Công ty.
6. H i ng qu n tr h p t i tr s chính c a Công ty ho c n i khác.
7. Ch t ch H i ng qu n tr ho c ng i tri u t p h p H i ng qu n tr ph i g i thông báo m i h p ch m nh t 03 ngày làm vì c tr c ngày h p n u i u l công ty không có quy nh khác. Thông báo m i h p ph i xác nh c th th i gian và a i m h p, ch ng trình, các v n th o lu n và quy t nh. Kèm theo thông báo m i h p ph i có tài li u s d ng t i cu c h p và phi u bi u quy t c a thành viên.

Thông báo m i h p c g i b ng b u i n, fax, th i n t ho c ph ng ti n khác, nh ng ph i b o m n c a ch liên l c c a t ng thành viên H i ng qu n tr c ng ký t i công ty.
8. Ch t ch H i ng qu n tr ho c ng i tri u t p g i thông báo m i h p và các tài li u kèm theo n các Ki m soát viên nh i v i các thành viên H i ng qu n tr .

Ki m soát viên có quy n đ các cu c h p c a H i ng qu n tr ; có quy n th o lu n nh ng không c bi u quy t.
9. Cu c h p H i ng qu n tr c ti n hành khi có t ba ph n t t ng s thành viên tr lên đ h p. Tr ng h p cu c h p c tri u t p theo quy nh kho n này không s thành viên đ h p theo quy nh thì c tri u t p l n th hai trong th i h n 07 ngày, k t ngày đ nh h p l n th nh t, tr tr ng h p i u l quy nh th i h n khác ng nh n. Tr ng h p này, cu c h p c ti n hành n u có h n m t n a s thành viên H i ng qu n tr đ h p.

10. Thành viên Hội đồng quản trị coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đại diện theo quy định tại khoản 11 điều này.
- Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức gửi thư điện tử hoặc hình thức khác;
- Gửi phiếu biểu quyết theo cuộc họp thông qua thư, fax, điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết theo cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đóng trong phong bì kín và phải chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất từ ngày trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chưa mở trước khi niêm phong sẽ không được tính.

Trường hợp đại lý công ty có quy định khác cao hơn, nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua của các thành viên đại diện tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

11. Thành viên phải tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên ủy quyền cho người khác đại diện của các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THỰC KÝ CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức ban quản lý

Hội đồng quản lý của Công ty phải bao gồm ban quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực tiếp lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc điều hành, các Phó Tổng Giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải thực hiện bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua một cách hợp thức.

Điều 29. Cán bộ quản lý

- Theo nghị quyết của Tổng Giám đốc điều hành và chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, vị trí công việc và chế độ phụ cấp và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị xuất tuất nghị định. Cán bộ quản lý phải có phẩm chất cần thiết các hoạt động và thực hiện của Công ty theo các mục tiêu đề ra.
- Mục tiêu, tiến độ lao động, lợi ích và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động và vị trí Tổng Giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quy định và hợp đồng với nhân viên các cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quy định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc điều hành.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ có thuê người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc và hành phi của báo cáo tài chính người công đồng thường niên và nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm vụ của Tổng Giám đốc và hành là năm (05) năm và có thể tái bổ nhiệm. Vị bổ nhiệm có thể hoãn lại các quy định về hưu trí và các quy định về hưu trí. Tổng Giám đốc và hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. Tổng Giám đốc và hành có những quy định và trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các quy định của Hội đồng quản trị và hội đồng công đồng, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch của Công ty của Hội đồng quản trị và hội đồng công đồng thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quy định của Hội đồng quản trị;
 - c. Kiểm soát ngân sách chi tiêu, quy định quản lý ngân sách của công ty;
 - d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trình các chức danh thu nhập quy định của Hội đồng quản trị;
 - e. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác về hưu trí và lương trong công ty kể cả người quản lý thu nhập quy định bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - f. Tuyển dụng lao động;
 - g. Kiểm soát ngân sách chi tiêu cho các hoạt động trong kinh doanh;
 - h. Kiểm soát số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý theo xu hướng của Hội đồng quản trị, và từ vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - i. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, vị bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - j. Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc và hành phải trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp với kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - k. Xuất trình báo cáo pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
1. Chọn các bộ phận toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bộ phận toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bộ phận toán hàng năm (bao gồm các bộ phận kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ định kỳ) cho tổng năm tài chính phải trình Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định về các quy định của Công ty;

- m. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều này và các quy định của Công ty, các quy định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.
4. Tổng Giám đốc và người hành chủ trách nhiệm của Hội đồng quản trị và người giám công việc thực hiện nhiệm vụ và quy định của giao và phải báo cáo các quan này khi cần yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc và người hành khi đã thành viên Hội đồng quản trị đã hợp cố quy định bị quy định tán thành và bị nhiệm vụ của Tổng Giám đốc và người hành miễn thay thế.

Điều 31. Thủ ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tùy nghi thuê thủ ký công ty hoặc Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thu xếp theo quy định của pháp luật và Điều Công ty. Thủ ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ các thủ tục pháp lý liên quan công, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quy định và nghĩa vụ của giao;
3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ công và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công;
5. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thực hiện hành chính.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. **Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 năm** và Kiểm soát viên có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các Kiểm soát viên bầu ra trong số làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc sau. Ban kiểm soát phải có ít nhất ba thành viên trong đó **ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.** Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Trụ sở tập thể của Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trình người giám công.
3. Trưởng ban Kiểm soát viên có cùng thẩm quyền mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự và không thuộc diện bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - c. Không có các chức vụ quản lý Công ty; **không nhất thiết phải là công nhân hoặc người lao động của Công ty;**
 - d. Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;
 - e. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.
5. Các công sở thuộc phần thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quy định phải tuân thủ quy định của pháp luật về việc tuyển dụng các thành viên Ban kiểm soát. Công sở hoặc nhóm công nhân mất 5% nội dung 10% tổng số phần có quy định phải tuân thủ quy định của pháp luật (01) thành viên; từ 10% nội dung 30% các thành viên hai (02) thành viên; từ 30% nội dung 40% các thành viên ba (03) thành viên; từ 40% nội dung 50% các thành viên bốn (04) thành viên; và từ 50% trở lên các thành viên năm (05) thành viên.
6. Trường hợp sự lựa chọn các thành viên Ban kiểm soát thông qua các và người quản lý không sẵn lòng chấp nhận thì, Ban kiểm soát nên nhiệm vụ có thể thêm người quản lý hoặc thành viên theo các quy định của pháp luật về việc quản lý công ty. Các thành viên Ban kiểm soát nên nhiệm vụ các thành viên Ban kiểm soát phải công bố rõ ràng và phải chấp hành nghiêm túc công thông qua các khi tiến hành các.
7. Nhiệm vụ, bổ nhiệm Kiểm soát viên:
 - a. Kiểm soát viên bổ nhiệm nhiệm vụ trong các trường hợp sau đây:
 - Không còn tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;
 - Không thực hiện quy định và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, từ chối hợp tác kháng;
 - Có mất chức vụ và chức vụ thu nhập.
 - b. Kiểm soát viên bổ nhiệm nhiệm vụ trong các trường hợp sau đây:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - Theo quy định của pháp luật khác.

Điều 33. Ban kiểm soát

1. Quy định và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:
 - a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

- b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ tin cậy trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính minh bạch, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- c. Thẩm định tính ý nghĩa, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tích cực hàng năm cho Hội đồng.
- d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và chính sách của Công ty.
- e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thì thực hiện theo quy định của Hội đồng hoặc theo yêu cầu của Hội đồng hoặc nhóm công quy định từ khoản 3 điều 11 điều 1.
- f. Khi có yêu cầu của Hội đồng hoặc nhóm công quy định từ khoản 3 điều 11 điều 1, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo ghi trình vấn đề yêu cầu kiểm tra của Hội đồng quản trị và Hội đồng hoặc nhóm công quy định có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định từ khoản này không cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

- g. Kiểm tra Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng các biện pháp sẵn sàng, chính sách quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
 - h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định từ điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có ghi pháp khắc phục hậu quả.
 - i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
 - j. Có quyền sử dụng văn phòng, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty thực hiện các nhiệm vụ giao.
 - k. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Hội đồng.
 - l. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, điều 1 Công ty và quy định của Hội đồng.
2. Ban kiểm soát có quyền cung cấp thông tin theo quy định từ điều 166 Luật Doanh nghiệp.
 3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải tổ chức ít nhất hai (02) lần năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp phải là hai (02) người.
 4. Kiểm soát viên có trách nhiệm lao động và thực hiện các quyền lợi khác theo quy định của Hội đồng. Hội đồng quy định những mặt lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TNG GIÁM ĐỐC ĐI U HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Đi u 34. Công khai các lợi ích liên quan

Trên hợp lệ của công ty không có quy định khác biệt nào, việc công khai hóa lợi ích và nghĩa vụ có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải lập và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các giao dịch liên quan của họ và của Công ty;
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và nghĩa vụ quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ và của Công ty, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sự tham gia góp vốn góp vốn; tài sản và thẩm định sự tham gia góp vốn góp vốn;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sự tham gia hoặc sự tham gia riêng phần vốn góp vốn góp vốn trên 10% vốn của công ty.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải công bố và Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung thông tin;
4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách những người có liên quan và lợi ích có liên quan của kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện như sau:
 - a. Công ty phải thông báo Danh sách những người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Hội đồng quản trị công ty;
 - b. Danh sách những người có liên quan và lợi ích có liên quan của chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và nghĩa vụ quản lý khác có quy định xem xét, trích lục và sao chép phần nội dung kê khai trong hồ sơ làm việc;
 - c. Công đồng, Hội đồng theo quy định của công đồng, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và nghĩa vụ quản lý khác có quy định xem xét, trích lục và sao chép phần nội dung kê khai trong hồ sơ làm việc;
 - d. Công ty phải tạo điều kiện cho những người quy định tại Điều này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh chóng, thuận lợi; không được ngăn cản, gây khó khăn gì về mặt pháp lý trong thực hiện quy định này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai những người có liên quan và lợi ích có liên quan của thực hiện theo quy định tại Điều này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện công việc điều hành hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty phải ghi rõ trình bày chi tiết, nội dung của công việc có liên quan của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chủ tịch thực hiện khi các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có liên quan thuộc về công ty.

i u 35. Trách nhiệm của người quản lý công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:
 - a. Thực hiện các quy định và nghĩa vụ giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Hội đồng;
 - b. Thực hiện các quy định và nghĩa vụ giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;
 - c. Trung thành với lợi ích của công ty và Hội đồng; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, danh tiếng và số đông tài sản của công ty để lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của cá nhân khác;
 - d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty và doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, phần chi phí; thông báo này có hiệu lực kể từ thời điểm chính và chi nhánh của công ty.
2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

i u 36. Hợp đồng, giao dịch phi công bằng của Hội đồng quản trị

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các cá nhân sau đây phải công bằng đối với Hội đồng quản trị:
 - a. Công đồng, người đi đầu quy định các công suất trên 10% tổng số phần vốn của công ty và nhà thầu có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính của kỳ kiểm toán gần nhất. Trong hợp đồng này, người đi đầu Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và các cá nhân có liên quan về nội dung, giao dịch đó; người đi đầu kèm theo dự thảo hợp đồng nội dung chi tiết của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
3. Hội đồng chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trong hợp đồng này, người đi đầu Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các cá nhân có liên quan về nội dung, giao dịch đó; người đi đầu kèm theo dự thảo hợp đồng thông báo nội dung chi tiết của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng để trình Hội đồng chấp thuận giao dịch cụ thể phải công bằng đối với các thành viên. Trong hợp đồng này, công đồng có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng giao dịch chấp thuận khi có số công đồng đi đầu 65% tổng số biểu quyết còn lại tán thành.
4. Hợp đồng, giao dịch bất hợp pháp và xử lý theo quy định của pháp luật khi cá nhân ký kết hoặc thực hiện mà chưa chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, công đồng, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường

thi t h i phát sinh, hoàn tr cho công ty các kho n l i thu c t vi c th c hi n h p ng, giao d ch ó.

XI. QUY N I U T R A S SÁCH VÀ H S CÔNG TY

i u 37. Quy n i u t r a s sách và h s

1. Công ho c nhóm c ông c p t i kho n 3 i u l l i u l này có quy n t r c t i p ho c qua ng i c y quy n, g i v n b n yêu c u c ki m tra danh sách c ông, các biên b n h p i h i ng c ông và sao ch p ho c trích l c các h s ó trong gi làm vi c và t i t r s chính c a công ty. Yêu c u ki m tra do i đi n c y quy n c a c ông ph i kèm theo gi y y quy n c a c ông mà ng i ó i đi n ho c m t b n sao công ch ng c a gi y y quy n này.
2. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng Giám c i u hành và cán b qu n lý khác có quy n ki m tra s ng ký c ông c a Công ty, danh sách c ông và nh ng s sách và h s khác c a Công ty vì nh ng m c ích liên quan t i ch c v c a mình v i i u ki n các thông tin này ph i c b o m t.
3. Công ty ph i l u i u l này và nh ng b n s a i b sung i u l , Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p, các quy ch , các tài li u ch ng minh quy n s h u tài s n, ngh quy t i h i ng c ông và H i ng qu n tr , biên b n h p i h i ng c ông và H i ng qu n tr , các báo cáo c a H i ng qu n tr . các báo cáo c a Ban ki m soát, báo cáo tài chính n m, s sách k toán và b t c gi y t nào khác theo quy nh c a pháp lu t t i t r s chính ho c m t n i khác v i i u ki n là các c ông và c quan ng ký kinh doanh c thông báo v a i m l u t r các gi y t này.
4. i u l Công ty ph i c công b trên website c a công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN

i u 38. Công nhân viên và công oàn

1. T ng Giám c i u hành ph i l p k ho ch H i ng qu n tr thông qua các v n liên quan n vi c t u y n đ ng, cho ng i lao ng thôi vi c, l ng , b o hi m xã h i, phúc l i, khen th ng và k lu t i v i ng i lao ng và cán b qu n lý.
2. T ng Giám c i u hành ph i l p k ho ch H i ng qu n tr thông qua các v n liên quan n quan h c a Công ty v i các t ch c công oàn theo các chu n m c, thông l và chính sách qu n lý t t nh t, nh ng thông l và chính sách quy nh t i i u l này, các quy ch c a Công ty và quy nh pháp lu t hi n hành.

XIII. PHÂN PH I L I NHU N

i u 39. Phân ph i l i nhu n

1. i h i ng c ông quy t nh m c chi t r c t c và hình th c chi t r c t c hàng n m t l i nhu n c gi l i c a Công ty.
2. Theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, H i ng qu n tr có th quy t nh t m ng c t c gi a k n u xét th y vi c chi t r này phù h p v i kh n ng sinh l i c a công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho kho n t i n t r c t c hay kho n t i n chi t r liên quan t i m t l o i c phi u.

4. Hội đồng quản trị có thể nghị quyết thông qua việc thanh toán toàn bộ hồ sơ mua trái phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cần thay đổi khoản tín dụng liên quan tới một loại trái phiếu chỉ trả bằng tiền mặt, Công ty phải chỉ trả bằng tiền mặt Việt Nam. Việc chỉ trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên các các thông tin chi tiết về ngân hàng do công ty cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do công ty cung cấp mà công ty không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tín dụng Công ty chuyển cho công ty khác. Việc thanh toán các trái phiếu và các trái phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể thực hiện hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
6. Các Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể chốt danh sách công ty. Các công ty theo ngày đó, nếu không đăng ký với cách công ty công bố thì sẽ không được tham gia các chứng khoán khác công ty quy định như trái phiếu, phân phối lợi nhuận, nhận trái phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, N M TÀI CHÍNH VÀ H TH NG K TOÁN

i u 40. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sách pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành thực hiện các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tín dụng Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

i u 41. N m tài chính

N m tài chính của Công ty bắt đầu ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. N m tài chính đầu tiên bắt đầu ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

i u 42. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác của Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ sổ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải chứng minh và ghi trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng tiếng Việt Nam (hoặc ngoại tệ do chuyển đổi trong trường hợp các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tính dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

i u 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phần kế toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Công ty nộp báo cáo tài chính hàng năm cho các quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và các quan quản lý kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình vốn và lợi của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho các quan thuế liên quan và các quan quản lý kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính kế toán (bao gồm ý kiến của kế toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải công bố trên website của Công ty.
5. Các thành viên, cá nhân quan tâm sử dụng quy định kiểm tra hoặc sao chép báo cáo tài chính năm kế toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giới hạn vì lợi ích của Công ty, thì trừ trách nhiệm của Công ty và phải tự mình chịu phí hợp lý cho việc sao chép.

i u 44. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

i u 45. Kiểm toán

1. Hội đồng quản trị thường niên chọn một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và quy định cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những yêu cầu và điều kiện tho thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chấp thuận và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bên sao của báo cáo kiểm toán sẽ gửi kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thành viên vì lợi ích kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp hội đồng quản trị và các quy định khác thông báo và các thông tin khác liên quan đến hội đồng quản trị mà các công ty quy định và công bố phát biểu ý kiến thì hội đồng quản trị có liên quan đến kiểm toán.

XVII. COND U

i u 46. Con d u

1. H i ng qu n tr quy t nh v hình th c, s l ng và n i dung con d u c a Công ty. N i dung con d u ph i th hi n nh ng thông tin sau ây:
 - a. Tên doanh nghi p;
 - b. Mã s doanh nghi p.
2. H i ng qu n tr, T ng Giám c i u hành s d ng và qu n lý con d u theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

XVIII. CH M D THO T NG VÀ THANH LÝ

i u 47. Ch m d tho t ng

1. Công ty có th b gi i th ho c ch m d tho t ng trong nh ng tr ng h p sau:
 - a. Khi k t thúc th i h n ho t ng c a Công ty, k c sau khi ã gia h n;
 - b. Toà án tuyên b Công ty phá s n theo quy nh c a pháp lu t hi n hành;
 - c. Gi i th tr c th i h n theo quy t nh c a i h i ng c ông;
 - d. Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t.
2. Vi c gi i th Công ty tr c th i h n do i h i ng c ông quy t nh, H i ng qu n tr th c hi n. Quy t nh gi i th này ph i thông báo hay xin ch p thu n c a c quan có th m quy n (n u b t bu c) theo quy nh.

i u 48. Thanh lý

1. T i thi u sáu (06) tháng tr c khi k t thúc th i h n ho t ng c a Công ty ho c sau khi có m t quy t nh gi i th Công ty, H i ng qu n tr ph i thành l p Ban thanh lý g m ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do i h i ng c ông ch nh và m t (01) thành viên do H i ng qu n tr ch nh t m t công ty ki m toán c l p. Ban thanh lý chu n b các quy ch ho t ng c a mình. Các thành viên c a Ban thanh lý có th c l a ch n trong s nhân viên Công ty ho c chuyên gia c l p. T t c các chi phí liên quan n thanh lý c Công ty u tiên thanh toán tr c các kho n n khác c a Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhi m báo cáo cho c quan ng ký kinh doanh v ngày thành l p và ngày b t u ho t ng. K t th i i m ó, Ban thanh lý thay m t Công ty trong t t c các công vi c liên quan n thanh lý Công ty tr c Toà án và các c quan hành chính.
3. T i n thu c t vi c thanh lý c thanh toán theo th t sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. T i n l ng và chi phí b o hi m cho công nhân viên;
 - c. Thu và các kho n n p cho Nhà n c;
 - d. Các kho n vay (n u có);
 - i. Các kho n n khác c a Công ty;

- e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ (a) nêu trên này sẽ phân chia cho các công đồng. Các công đồng ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIỚI QUY ĐỊNH TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 49. Giới quy định tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khi nào có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quy định và nghĩa vụ của các công đồng theo quy định nội bộ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định như sau:

- a. Công đồng viên Công ty;
- b. Công đồng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp,

Các bên liên quan có thể giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định vị trí giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập hành động với cách là trung tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không thể giải quyết hoà giải trong vòng sáu (06) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quy định của trung gian hoà giải không giải quyết các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trung tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án sẽ thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SAI LƯU

Điều 50. Bổ sung và sai lưu

1. Việc bổ sung, sai lưu này phải có sự đồng ý của công đồng xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa có quy định trong bản nội bộ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những nội dung trong nội bộ này thì những quy định của pháp luật có hiệu lực áp dụng và ưu tiên hơn hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 51. Ngày hiệu lực

1. Bản nội bộ này gồm 21 chương 51 điều có hiệu lực của Công ty có hiệu lực kể từ ngày xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh 5 năm tới thông qua ngày ... tháng ... năm ... tới cuối hợp đồng thành lập và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của nội bộ này.
2. Nội bộ có hiệu lực thành lập (10) bản, có giá trị như nhau.

3. *i u l* này là duy nh t và chính th c c a Công ty.
4. Các b n sao ho c trích l c *i u l* Công ty có giá tr khi có ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr ho c t i thi u m t ph n hai (1/2) t ng s thành viên H i ng qu n tr .

H , tên, ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t ho c c a các c ông sáng l p ho c c a ng i i di n theo y quy n c a c ông sáng l p c a Công ty./.